

NGHIÊN CỨU VÀ HỌC TẬP

NHỮNG GIÁ TRỊ KHOA HỌC LÀM NÊN SỨC SỐNG TRƯỜNG TỒN CỦA TRIẾT HỌC MÁC

Nguyễn Thị Thu Hiền (*)

(*) Nghiên cứu sinh, Đại học Sư phạm Hồ Nam, Trung Quốc.

Email: hiencdgtvt3@gmail.com.vn

Peng Ji Hong (**)

(**) Giáo sư, tiến sĩ, Đại học Sư phạm Hồ Nam, Trung Quốc.

Tóm tắt: Chủ nghĩa Mác là hệ thống lý luận khoa học thống nhất được cấu thành từ ba bộ phận lý luận cơ bản là triết học Mác, kinh tế chính trị học Mác và chủ nghĩa xã hội khoa học. Trong đó, triết học Mác là khoa học về những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; đóng vai trò trang bị cho con người cách nhìn khoa học và phương pháp đúng đắn để nhận thức, cải tạo và phát triển thế giới, vì thế nó được coi là “linh hồn sống” của chủ nghĩa Mác. Nhiều giá trị khoa học đã làm nên sức sống trường tồn của triết học Mác, bởi lẽ chúng dựa trên thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng - chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Nghiên cứu những giá trị khoa học làm nên sức sống trường tồn của triết học Mác có tầm quan trọng đặc biệt trong việc bảo vệ, bổ sung và phát triển triết học Mác lên một tầm cao mới.

Từ khóa: Chủ nghĩa Mác, triết học Mác, giá trị khoa học, sức sống.

Ngày nhận bài: 24/06/2024; ngày phản biện: 25/06/2024; ngày sửa chữa: 27/07/2024; ngày duyệt đăng: 15/08/2024.

1. Mở đầu

Triết học Mác được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát triển một cách sáng tạo những thành tựu của lịch sử

tư tưởng nhân loại nói chung và triết học cổ điển Đức (đặc biệt là triết học của Hêghen và L.Phoiobắc) nói riêng, cũng như khái quát thực tiễn xã hội

loài người, nhất là khoa học tự nhiên hiện đại. Từ khi ra đời đến nay, triết học Mác đã và vẫn có sức sống mãnh liệt, bởi lẽ nó dựa trên thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng. Chính các giá trị khoa học to lớn, mang tính cách mạng mà triết học Mác phát hiện và sáng tạo đã làm nên sức sống trường tồn của nó.

2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

Chủ nghĩa duy vật biện chứng do C.Mác và Ph.Ăngghen sáng tạo vào những năm 40 của thế kỷ XIX là hình thức cao nhất trong 3 hình thức của chủ nghĩa duy vật (chủ nghĩa duy vật chất phác thời cổ đại, chủ nghĩa duy vật siêu hình, chủ nghĩa duy vật biện chứng).

Thứ nhất, luận điểm khoa học khẳng định *bản chất của thế giới là vật chất, thế giới thống nhất ở tính vật chất*. Trên cơ sở khái quát những thành tựu của khoa học và sự kiểm nghiệm của thực tiễn cuộc sống con người, chủ nghĩa duy vật biện chứng khẳng định bản chất của thế giới là vật chất, thế giới thống nhất ở tính vật chất. Kết luận khoa học này định hướng cho con người không chỉ trong việc giải thích tính đa dạng của thế giới, mà cả trong sự nhận thức tính đa dạng ấy để tiến hành cải tạo thế giới theo hướng có lợi cho con người, nhưng vẫn tuân thủ các quy luật của tự nhiên và xã hội. Nó đã khắc phục được những hạn chế của chủ nghĩa duy vật chất phác thời

cổ đại và chủ nghĩa duy vật siêu hình. V.I.Lênin khẳng định: “triết học của Mác là một chủ nghĩa duy vật triết học hoàn bị, nó cung cấp cho loài người và nhất là cho giai cấp công nhân những công cụ nhận thức vĩ đại” (V.I.Lênin 2005c: 54).

Thứ hai, phép biện chứng duy vật - phương pháp luận chung nhất của hoạt động nhận thức và thực tiễn.

Sự phát triển của khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX và phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, cũng như cuộc đấu tranh giữa giai cấp vô sản với giai cấp tư sản đã cung cấp những tri thức khoa học và kinh nghiệm thực tiễn quý báu cho C.Mác và Ph.Ăngghen đúc kết, khái quát và xây dựng nên phép biện chứng duy vật của mình. Phép biện chứng duy vật của C.Mác và Ph.Ăngghen là sự thống nhất giữa chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng, là hạt nhân của chủ nghĩa Mác nói chung và triết học Mác nói riêng, là sự kết tinh toàn bộ tinh hoa trong lịch sử phát triển nhận thức của nhân loại về sự vận động, biến đổi của thế giới vật chất. Trong *Chống Duyrinh*, Ph.Ăngghen khẳng định: “phép biện chứng chẳng qua chỉ là môn khoa học về những quy luật phổ biến của sự vận động và sự phát triển của tự nhiên, của xã hội loài người và của tư duy” (C.Mác và Ph.Ăngghen 2002b: 201); rằng, nội

dung chủ yếu của “phép biện chứng là khoa học về sự liên hệ phổ biến. Những quy luật chủ yếu: sự chuyển hóa lượng thành chất, - sự xâm nhập lẫn nhau của các mâu thuẫn đối cực và sự chuyển hóa từ mâu thuẫn này sang mâu thuẫn khác khi mâu thuẫn đó lên tới cực độ, - sự phát triển bằng mâu thuẫn hoặc phủ định của phủ định, - phát triển theo hình thức xoáy tròn ốc” (C.Mác và Ph.Ăngghen 2002b: 455), “phép biện chứng đã được coi là khoa học về những quy luật phổ biến nhất của mọi vận động. Điều đó có nghĩa là những quy luật ấy phải có hiệu lực đối với vận động trong giới tự nhiên và trong lịch sử loài người cũng như đối với vận động của tư duy” (C.Mác và Ph.Ăngghen 2002b: 768).

Khi nghiên cứu các quy luật phát triển phổ biến của hiện thực khách quan và của nhận thức khoa học, phép biện chứng duy vật đóng vai trò phương pháp luận chung nhất của hoạt động nhận thức và thực tiễn. Nó trình bày một cách có hệ thống, chặt chẽ tính chất biện chứng của thế giới thông qua hai nguyên lý (nguyên lý về mối liên hệ phổ biến, nguyên lý về sự phát triển), ba quy luật (quy luật mâu thuẫn, quy luật lượng - chất và quy luật phủ định của phủ định) và sáu cặp phạm trù (cặp phạm trù cái riêng và cái chung, cặp phạm trù nguyên nhân và kết quả, cặp phạm trù tất nhiên và ngẫu

nhiên, cặp phạm trù nội dung và hình thức, cặp phạm trù bản chất và hiện tượng, cặp phạm trù khả năng và hiện thực) chung nhất của thế giới. Những nguyên lý, những quy luật và các cặp phạm trù này mang tính phổ biến, chúng bao quát, chi phối, tác động lên giới tự nhiên, đời sống xã hội và tư duy con người ở mọi giai đoạn của lịch sử; chúng không chỉ giải thích đúng đắn về tính biện chứng của thế giới mà còn là phương pháp luận khoa học của việc nhận thức và cải tạo thế giới. Vì vậy, phép biện chứng duy vật là khoa học về những quy luật chung nhất của sự vận động và phát triển trong tự nhiên, xã hội và tư duy; nó vừa là lý luận duy vật biện chứng, vừa là lý luận nhận thức, trở thành cơ sở lý luận khoa học định hướng cho hoạt động thực tiễn của con người nhằm cải tạo thế giới.

Thứ ba, thông qua phép biện chứng duy vật, C.Mác đã gắn triết học với đời sống hiện thực.

Theo C.Mác, “triết học không hứa hẹn gì cả ngoài chân lý..., triết học không đòi hỏi tin tưởng vào các kết luận của nó, nó đòi hỏi kiểm nghiệm những điều hoài nghi” (C.Mác và Ph.Ăngghen 1995a: 157). Thực tiễn cho thấy, từ khi ra đời đến nay triết học Mác không đứng ngoài cuộc sống; trái lại, luôn gắn liền với cuộc đấu tranh vì lợi ích của nhân dân lao động, trước hết là giai cấp công nhân, đưa cuộc đấu tranh giai cấp của

nhân dân lao động phát triển từ tự phát đến tự giác, có tổ chức chặt chẽ, điều mà các lý luận khác đã không thể làm được. Theo C.Mác, với triết học duy vật biện chứng thì không có gì là tuyệt đối, là vĩnh viễn không thay đổi; do đó, triết học duy vật biện chứng của ông luôn nhìn thẳng vào sự thật, hướng về thực tiễn để hướng dẫn, giải quyết những vấn đề cơ bản và bức thiết do thực tiễn cuộc sống đặt ra. Chính vì thế, triết học duy vật biện chứng của C.Mác có khả năng tự đổi mới và phát triển, trở thành kim chỉ nam cho hành động, soi đường và hướng dẫn nhân loại tiến bộ không ngừng tìm kiếm và nhận thức chân lý.

C.Mác phản đối quan điểm cho rằng triết học chỉ quan sát hiện thực, không có quan hệ gì với hoạt động thực tiễn và sự biến đổi của chế độ xã hội. Trong *Lời nói đầu Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen*, C.Mác đã trình bày một tư tưởng rất quan trọng về mối liên hệ giữa lý luận cách mạng và thực tiễn cách mạng. Ông cho rằng, lý luận cách mạng phản ánh yêu cầu, địa vị lịch sử và hoạt động đấu tranh của giai cấp cách mạng; nhưng chỉ bằng lý luận không thôi thì không thể xoá bỏ được áp bức, bóc lột, bất công; muốn giải phóng toàn nhân loại cần phải gắn lý luận cách mạng với thực tiễn đấu tranh cách mạng; lý luận phải nhận thức được vai trò to lớn của quần chúng và phải có khả

năng thâm nhập vào quần chúng; chỉ khi nào lý luận thâm nhập được vào quần chúng, được quần chúng kiểm nghiệm, thì lý luận mới trở thành vũ khí tinh thần, thành sức mạnh vật chất. “Giống như triết học thấy giai cấp vô sản là vũ khí vật chất của mình, giai cấp vô sản cũng thấy triết học là vũ khí tinh thần của mình, và chỉ cần sấm sét của tư tưởng đánh một cách triệt để vào cái mảnh đất nhân dân còn nguyên vẹn ấy là việc giải phóng người Đức thành con người sẽ hoàn thành [...] Đầu não của sự giải phóng ấy là triết học, trái tim của nó là giai cấp vô sản. Triết học không trở thành hiện thực nếu không xoá bỏ giai cấp vô sản; giai cấp vô sản không thể xoá bỏ được bản thân mình nếu không làm cho triết học biến thành hiện thực” (C.Mác và Ph.Ăngghen 1995a: 589-590). Trong *Luận cương về Phoiơbắc*, C.Mác cho rằng, “Các nhà triết học đã chỉ giải thích thế giới bằng nhiều cách khác nhau, song vấn đề là cải tạo thế giới” (C.Mác và Ph.Ăngghen 1995b: 12).

Hiện nay, cuộc cách mạng khoa học – công nghệ hiện đại, quá trình toàn cầu hóa và phát triển kinh tế tri thức đang làm thay đổi định hướng thế giới quan của con người, đòi hỏi triết học cần bổ sung những tổng kết lý luận của toàn bộ thực tiễn lịch sử xã hội loài người trong thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI và giải quyết những mâu thuẫn nổi bật của thời đại

ngày nay. Những nhiệm vụ trên không thể giải quyết nếu không dựa vào *cơ sở lý luận nền tảng của triết học Mác và thế giới quan duy vật biện chứng.*

3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử

C.Mác đã vận dụng phép biện chứng duy vật vào việc nghiên cứu lịch sử - xã hội, trở thành người đầu tiên trong lịch sử triết học nhân loại phát hiện ra quy luật phát triển của lịch sử loài người. Ông đã sáng tạo chủ nghĩa duy vật lịch sử, làm cho chủ nghĩa duy vật biện chứng trở nên hoàn chỉnh, từ chỗ nhận thức thế giới tự nhiên đến chỗ nhận thức xã hội loài người. Ph.Ăngghen khẳng định: “giống như Đác-uyn (Charles Darwin) đã tìm ra quy luật phát triển của thế giới hữu cơ, C.Mác đã tìm ra quy luật phát triển của lịch sử loài người” (C.Mác và Ph.Ăngghen 1995c: 499). Đánh giá công lao vĩ đại của C.Mác đối với việc phát triển tư tưởng khoa học của nhân loại, V.I.Lênin viết: “chủ nghĩa duy vật lịch sử của Mác là thành tựu vĩ đại nhất của tư tưởng khoa học. Một lý luận khoa học hết sức hoàn chỉnh và chặt chẽ đã thay cho sự lộn xộn và sự tùy tiện, vẫn ngự trị từ trước đến nay trong các quan niệm về lịch sử và chính trị; lý luận đó chỉ cho ta thấy rằng, do chỗ lực lượng sản xuất lớn lên, thì từ một hình thức tổ chức đời sống xã hội này, nảy ra và phát triển lên như thế nào một hình thức tổ

chức đời sống xã hội khác, cao hơn; chẳng hạn, chủ nghĩa tư bản đã nảy sinh ra như thế nào từ chế độ phong kiến” (V.I.Lênin 2005c: 53).

Thứ nhất, chủ nghĩa duy vật lịch sử khẳng định *sản xuất vật chất là nền tảng của sự phát triển xã hội.*

Quan niệm duy vật về lịch sử của C.Mác đã chỉ rõ cách thức xây dựng và phát triển xã hội loài người theo hướng tiến bộ, hiện đại và văn minh. Trong *học thuyết hình thái kinh tế - xã hội*, C.Mác và Ph.Ăngghen đã luận giải để làm nổi bật toàn bộ lịch sử xã hội loài người bắt đầu từ sản xuất vật chất; sản xuất vật chất là hoạt động đặc trưng của con người và là nhân tố quyết định sự hình thành, biến đổi và phát triển của lịch sử xã hội loài người. Ph.Ăngghen khẳng định: “theo quan điểm duy vật về lịch sử, nhân tố quyết định trong quá trình lịch sử xét đến cùng là sản xuất và tái sản xuất ra đời sống hiện thực. Cả tôi lẫn Mác chưa bao giờ khẳng định gì hơn thế. Còn nếu có ai đó xuyên tạc luận điểm này theo ý nghĩa nhân tố kinh tế là nhân tố quyết định duy nhất, thì người đó biến lời khẳng định này thành một câu trống rỗng, trừu tượng, vô nghĩa” (C.Mác và Ph.Ăngghen 2002e: 641). Sản xuất vật chất là một quá trình, trong đó con người sử dụng công cụ lao động tác động trực tiếp hoặc gián tiếp vào tự nhiên, cải biến các dạng vật chất của giới tự nhiên để tạo ra của cải xã

hội nhằm thỏa mãn nhu cầu tồn tại và phát triển của con người.

C.Mác đã luận chứng và chỉ ra rằng, sản xuất vật chất có vai trò vô cùng quan trọng, nó là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội. Vai trò này thể hiện ở chỗ: *một là*, sản xuất vật chất tạo ra những tư liệu sinh hoạt nhằm duy trì sự tồn tại và phát triển của con người. Vượt qua các quan điểm duy tâm về lịch sử, C.Mác đã xuất phát từ những con người hiện thực và đi đến kết luận: “tiền đề đầu tiên của mọi sự tồn tại của con người, và do đó là tiền đề của mọi lịch sử, đó là: người ta phải có khả năng sống đã rồi mới có thể “làm ra lịch sử”. Nhưng muốn sống được thì trước hết cần phải có thức ăn, thức uống, nhà ở, quần áo và một vài thứ khác nữa. Như vậy, hành vi lịch sử đầu tiên là việc sản xuất ra những tư liệu để thỏa mãn những nhu cầu ấy, việc sản xuất ra bản thân đời sống vật chất” (C.Mác và Ph.Ăngghen 1995b: 39-40). Như vậy, sản xuất vật chất là yêu cầu khách quan của sự sinh tồn, bởi lẽ để tồn tại và phát triển thì trước tiên con người phải thỏa mãn các nhu cầu vật chất tối thiểu như: ăn, uống, chỗ ở, mặc,... Nghĩa là, để tồn tại và phát triển con người cần phải tiến hành lao động sản xuất ra của cải vật chất. *Hai là*, sản xuất vật chất tạo ra những mối quan hệ nhất định của con người với nhau. Trong quá trình

sản xuất, con người buộc phải thiết lập quan hệ kinh tế (quan hệ vật chất giữa người với người), từ đó hình thành nên các quan hệ xã hội khác (quan hệ giữa người với người về chính trị, đạo đức, pháp luật, tôn giáo,...). C. Mác chỉ rõ: “việc sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt vật chất trực tiếp và chính mỗi một giai đoạn phát triển kinh tế nhất định của một dân tộc hay một thời đại tạo ra một cơ sở, từ đó mà người ta phát triển các thể chế nhà nước, các quan điểm pháp quyền, nghệ thuật và thậm chí cả những quan niệm tôn giáo của con người ta” (C.Mác và Ph.Ăngghen 1995c: 500). *Ba là*, sản xuất vật chất là cơ sở của mọi sự tiến bộ xã hội. *Bốn là*, sản xuất vật chất sáng tạo ra bản thân con người. Ph.Ăngghen khẳng định chính “lao động đã sáng tạo ra bản thân con người” (C.Mác và Ph.Ăngghen 2002b: 641). Nhờ lao động sản xuất mà con người hình thành các phẩm chất xã hội (có ngôn ngữ, có nhận thức, có tư duy, có tình cảm, có đạo đức...), nhờ đó con người cải tạo giới tự nhiên, sáng tạo ra mọi giá trị vật chất và tinh thần, đồng thời sáng tạo ra chính bản thân mình.

C.Mác đã xuất phát từ phương thức sản xuất để nghiên cứu sự vận động, biến đổi và phát triển của lịch sử xã hội loài người; từ đó vạch ra các quy luật vận động và phát triển khách quan của xã hội. Ông chỉ rõ phương thức sản

xuất là cách thức con người tiến hành quá trình sản xuất vật chất ở những giai đoạn lịch sử nhất định của xã hội loài người. Phương thức sản xuất là sự thống nhất giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất tương ứng. Lực lượng sản xuất biểu thị mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, bao gồm con người (yếu tố quan trọng nhất), tư liệu sản xuất; nó thể hiện năng lực của con người trong việc chinh phục giới tự nhiên, là nội dung của phương thức sản xuất và là cơ sở của lịch sử. Quan hệ sản xuất là quan hệ giữa con người với con người trong quá trình sản xuất xã hội, trong đó quan hệ sở hữu là quan hệ cơ bản nhất của quan hệ sản xuất. Như vậy, phương thức sản xuất là cách thức con người thực hiện đồng thời sự tác động giữa con người với tự nhiên và sự tác động giữa người với người để tạo ra của cải vật chất phục vụ nhu cầu của con người và xã hội ở những giai đoạn lịch sử nhất định. Phương thức sản xuất quyết định tính chất, tổ chức kết cấu của xã hội, đồng thời quyết định sự chuyển hóa của xã hội loài người qua các giai đoạn lịch sử khác nhau. Do đó, khi phương thức sản xuất thay đổi sẽ dẫn đến những biến đổi về cơ cấu giai cấp, cấu trúc kinh tế, nội dung chính trị, tư tưởng đạo đức, chế độ xã hội.

Theo đó, lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, các quy luật vận động và

phát triển cơ bản nhất của xã hội loài người được C.Mác phát hiện và trình bày một cách có hệ thống, bao gồm quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất (trong đó lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất); quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội (trong đó cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng, kinh tế xét đến cùng quyết định chính trị); quy luật về đấu tranh giai cấp trong xã hội có giai cấp đối kháng; quy luật về vai trò quyết định của quần chúng nhân dân trong lịch sử; quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội (trong đó tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội, ý thức xã hội là sự phản ánh tồn tại xã hội).

Thứ hai, học thuyết hình thái kinh tế - xã hội – viên đá tảng của chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Bằng phạm trù hình thái kinh tế - xã hội, C.Mác đã thực hiện sự phân kỳ lịch sử xã hội loài người theo một trình nối tiếp nhau từ thấp đến cao của các hình thái kinh tế - xã hội: cộng sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa xã hội; trong đó có sự thống nhất giữa các quy luật phổ biến với quy luật đặc thù của lịch sử. Ông kết luận: “sự phát triển của những hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên”

(C.Mác và Ph.Ăngghen 2002d: 24). Điều đó có nghĩa sự vận động của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử khách quan, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người. Toàn bộ lịch sử vận động và phát triển của xã hội loài người là sự thay thế lẫn nhau của các hình thái kinh tế - xã hội và các hình thái kinh tế - xã hội sau bao giờ cũng phát triển cao hơn hình thái kinh tế - xã hội trước đó. Sự vận động và phát triển liên tục của xã hội loài người là do các quy luật nội tại của đời sống xã hội quy định, trước hết và cơ bản nhất là quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. V.I.Lênin đánh giá: “trong xã hội học, tư tưởng đó về chủ nghĩa duy vật, tự bản thân nó, cũng đã là một tư tưởng thiên tài rồi” (V.I.Lênin 2005a: 161). Như vậy, học thuyết hình thái kinh tế - xã hội đã cung cấp những cơ sở khoa học cho việc phân kỳ lịch sử, làm sáng tỏ quá trình tiến hóa của xã hội loài người.

Thứ ba, tư tưởng khoa học về lao động bị tha hóa và việc giải phóng con người.

Triết học Mác về con người và giải phóng con người cũng là một trong những nội dung có giá trị khoa học, góp phần làm nên sức sống trường tồn của triết học Mác. C.Mác lấy con người làm điểm xuất phát, coi con người là trung tâm và giải phóng con người là mục tiêu cao nhất của chủ nghĩa Mác.

Khi nghiên cứu về con người và bản chất con người, C.Mác đã hoàn toàn đúng khi khẳng định con người là thực thể sinh học – xã hội, con người khác biệt với con vật ngay từ khi con người bắt đầu sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt của mình, con người là sản phẩm của lịch sử và của chính bản thân con người, con người vừa là chủ thể vừa là sản phẩm của lịch sử, và *bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội*. Triết học Mác đề cao vai trò tích cực của con người. Theo C.Mác, con người không chỉ có năng lực nhận thức các quy luật khách quan, mà còn biết vận dụng các quy luật tự nhiên và xã hội để cải tạo giới tự nhiên theo hướng có lợi cho cuộc sống của con người; cải tạo xã hội theo hướng ngày càng tiến bộ, dân chủ, hiện đại và văn minh hơn; đồng thời cải tạo chính bản thân con người theo hướng ngày càng hoàn thiện, thông minh và hạnh phúc hơn.

Xuất phát từ thực tiễn lao động sản xuất của con người, từ các sự kiện kinh tế cụ thể, từ đời sống và các quan hệ xã hội hiện thực của con người, bằng quan niệm duy vật về lịch sử xã hội, C.Mác đã phân tích một cách khoa học và rõ ràng *hiện tượng tha hóa con người*, từ đó chỉ ra con đường, biện pháp đấu tranh giải phóng con người khỏi ách áp bức, bóc lột. Theo ông, con người bị tha hóa là con người đánh mất mình trong lao động và thực chất của hiện tượng này là lao động

của con người bị tha hóa. C.Mác chỉ rõ thực chất của lao động bị tha hóa là quá trình lao động và sản phẩm của lao động từ chỗ để phục vụ và phát triển con người đã bị biến thành lực lượng cưỡng bức và thống trị con người (C.Mác và Ph.Ăngghen 2000: 126-146). Lao động bị tha hóa là lao động làm người lao động đánh mất mình trong hoạt động người, nhưng lại tìm thấy mình trong hoạt động của con vật.

Lao động là hoạt động sáng tạo, đặc trưng, bản chất của con người; là hoạt động phân biệt con người với con vật, nhưng ở lao động bị tha hóa hoạt động lao động của con người không phải để sáng tạo và phát triển các phẩm chất người, mà chỉ đơn thuần là hoạt động duy trì sự sinh tồn của thể xác, nghĩa là lao động của con người giờ đây đã bị biến thành lao động cưỡng bức. Trong lao động, người lao động thấy mình như là con vật, còn khi thực hiện những chức năng động vật như ăn, uống, sinh con thì họ lại là con người vì được tự do. Cái vốn có của súc vật đã trở thành cái có tính người, còn cái có tính người lại bị biến thành cái có tính súc vật. Sự đảo lộn này là biểu hiện đầu tiên của tha hóa con người. Lao động bị tha hóa là lao động làm đảo lộn quan hệ xã hội của người lao động. Trong hoạt động lao động, quan hệ của người lao động với tư liệu sản xuất là quan hệ giữa con người với

đồ vật. Tư liệu sản xuất do con người tạo ra, nhưng trong chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa thì người lao động lại phải phụ thuộc vào các tư liệu sản xuất, nghĩa là người lao động bị lệ thuộc vào sản phẩm do chính mình tạo ra; vì vậy, không phải con người sử dụng tư liệu sản xuất mà là tư liệu sản xuất sử dụng con người. Để có tư liệu sinh hoạt, người công nhân buộc phải bán sức lao động của mình cho các chủ tư bản, sản phẩm do người lao động làm ra nhưng không thuộc quyền sở hữu của họ mà thuộc về các chủ tư bản và được các chủ sở hữu tư liệu sản xuất dùng để ép buộc người lao động phải lệ thuộc vào chủ sở hữu. Các vật phẩm lao động đã bị biến thành công cụ trói buộc con người, “người công nhân trở thành nô lệ cho vật của mình” (C.Mác và Ph.Ăngghen 2000: 130) và “điểm cao nhất của sự nô lệ đó là: chỉ có với tư cách công nhân, anh ta mới có thể duy trì được sự tồn tại của mình như một chủ thể thể xác và chỉ có với tư cách là chủ thể thể xác thì anh ta mới là công nhân” (C.Mác và Ph.Ăngghen 2000: 131).

C.Mác đã chỉ rõ những biểu hiện của sự tha hóa công nhân, đó là “công nhân càng sản xuất nhiều thì anh ta có thể tiêu dùng càng ít; anh ta tạo ra càng nhiều giá trị thì bản thân anh ta càng bị mất giá trị, càng bị mất phẩm cách; sản phẩm của anh ta tạo dáng càng đẹp

thì anh ta càng què quặt; vật do anh ta tạo ra càng văn minh thì bản thân anh ta càng giống với người dã man; lao động càng hùng mạnh thì người công nhân càng ốm yếu; công việc anh ta làm càng phức tạp thì bản thân anh ta càng trống rỗng về trí tuệ và càng bị nô lệ vào giới tự nhiên” (C.Mác và Ph.Ăngghen 2000: 131). Như vậy, quan hệ giữa con người với tư liệu sản xuất - cái sản phẩm do người lao động làm ra, đã bị biến thành quan hệ giữa con người với kẻ thống trị xa lạ. Bên cạnh đó, trong quá trình lao động, người lao động còn có mối quan hệ với chủ sở hữu tư liệu sản xuất, lẽ ra đây phải là quan hệ giữa người với người, nhưng trên thực tế người lao động quan hệ với người chủ thông qua số vật phẩm do họ tạo ra và số tiền công mà người chủ trả cho họ, nên quan hệ giữa người với người đã bị tha hóa, bị thay thế bằng quan hệ giữa con người với đồ vật. Đây là biểu hiện thứ hai của sự tha hóa con người.

Lao động bị tha hóa còn khiến người lao động trở nên què quặt, làm cho người công nhân ngày càng bị bần cùng hóa, sự phân cực giàu nghèo trong xã hội ngày càng sâu sắc. Để thu được nguồn lợi nhuận khổng lồ, chủ nghĩa tư bản đã không ngừng đầu tư phát triển khoa học - công nghệ và vận dụng những thành tựu của khoa học - công nghệ vào quá trình sản

xuất. Công nghiệp, khoa học - công nghệ càng phát triển thì máy móc thay thế người lao động càng nhiều. Người lao động ngày càng bị đẩy ra khỏi quá trình sản xuất trực tiếp, ngày càng phụ thuộc vào máy móc, thậm chí trở thành một bộ phận của máy móc. Bởi lẽ, quá trình lao động của họ ngày càng trở thành quá trình thực hiện các thao tác giản đơn mà dây chuyền sản xuất sử dụng máy móc, kỹ thuật, công nghệ hiện đại quy định. C.Mác đánh giá: “lao động sản xuất ra những vật phẩm kỳ diệu cho những người giàu, nhưng chính nó lại sản xuất ra sự bần cùng hóa công nhân. Nó tạo ra lâu đài, nhưng cũng tạo ra cả những nhà ổ chuột cho công nhân. Nó sáng tạo ra cái đẹp, nhưng cũng làm què quặt công nhân. Nó thay lao động thủ công bằng máy móc, nhưng nó lại ném một bộ phận công nhân trở về với lao động dã man và biến một bộ phận công nhân khác thành những cái máy. Nó sản xuất ra trí tuệ, nhưng cũng sản xuất ra cả sự đàn độn, ngu ngốc cho công nhân” (C.Mác và Ph.Ăngghen 2000: 131).

Với C.Mác, chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất là nguyên nhân gây ra hiện tượng tha hóa con người và sự tha hóa đó đạt tới đỉnh điểm trong xã hội tư bản chủ nghĩa. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã làm cho tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội rơi vào tay một số nhà tư sản và một số

tập đoàn tư bản, khiến cho đại đa số người lao động trở thành vô sản. Để tồn tại, những người vô sản buộc phải bán sức lao động của mình cho các nhà tư sản và bị các nhà tư sản bóc lột, dẫn đến tình trạng lao động bị tha hóa. Lao động bị tha hóa là nguyên nhân và là nội dung chính của sự tha hóa con người. Thực tiễn lịch sử phát triển nhân loại đã cho thấy, mọi sự phát triển của xã hội sẽ chẳng có ý nghĩa gì nếu con người còn bị áp bức, bóc lột; do đó, C.Mác khẳng định cần “vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức” (C.Mác và Ph.Ăngghen 2002c: 11-12). Lần đầu tiên trong lịch sử, C.Mác đã chỉ ra cho giai cấp vô sản và nhân loại tiến bộ con đường, biện pháp đấu tranh để tự giải phóng khỏi ách áp bức bóc lột, đồng thời tạo ra những điều kiện, tiền đề cho một cuộc sống thật sự mang tính người trong xã hội cộng sản.

Ông đã hoàn toàn đúng khi cho rằng, “xã hội không thể nào giải phóng cho mình được, nếu không giải phóng cho mỗi cá nhân riêng biệt” (C.Mác và Ph.Ăngghen 2002b: 406); xóa bỏ chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa và tình trạng lao động bị tha hóa là điều kiện *tiên quyết* để giải phóng con người và giải phóng xã hội. Muốn vậy, giai cấp công nhân và nhân dân lao động phải đoàn kết đứng lên đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của một

đảng cộng sản chân chính. Sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản là sự xóa bỏ một cách tích cực chế độ tư hữu và là yêu cầu khách quan của cuộc sống: “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người” (C.Mác và Ph.Ăngghen 2002a: 628). Ngày nay, sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đã mang lại những động lực to lớn cho tăng trưởng kinh tế và tiên bộ xã hội, song những thành tựu của khoa học và công nghệ hiện đại vẫn không thể trở thành phương tiện chủ yếu để giải phóng con người nói chung, giai cấp công nhân nói riêng thoát khỏi sự tha hóa. Do đó, triết học Mác về con người, về giải phóng con người khỏi mọi sự tha hóa, để con người được tự do phát triển, được sống đúng với bản chất người vẫn còn nguyên giá trị trong thời đại ngày nay.

Thứ tư, triết học Mác với triển vọng của chủ nghĩa xã hội.

Sau sự kiện chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, các thế lực phản động và thù địch đã tìm đủ mọi cách để chống phá chủ nghĩa Mác – Lênin, cản trở sự thâm nhập và lan rộng của chủ nghĩa Mác – Lênin vào phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Chúng đã tung ra nhiều luận điệu sai trái nhằm xuyên tạc, phủ nhận những giá trị cơ bản của chủ nghĩa duy

vật lịch sử, như lý luận hình thái kinh tế - xã hội, lý luận về đấu tranh giai cấp, nhà nước và cách mạng,... Những luận điểm trong “Quyết định luận kỹ thuật”, thuyết “Hội tụ” và “Làn sóng thứ ba” đều gián tiếp phủ nhận phương pháp tiếp cận lịch sử bằng lý luận hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa duy vật lịch sử, phủ nhận những mâu thuẫn trong xã hội tư bản chủ nghĩa, nhất là mâu thuẫn giai cấp, từ đó phủ nhận sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Họ xuyên tạc rằng, chủ nghĩa Mác – Lênin nói chung và triết học Mác nói riêng đã lỗi thời; rằng, lý luận đó chỉ thích hợp với văn minh cơ khí và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai, không còn phù hợp với thời đại mới – thời đại của cách mạng khoa học và công nghệ, cách mạng công nghiệp lần thứ tư, văn minh tin học, kinh tế tri thức, kinh tế số, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Chúng quy chụp sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu là do sai lầm từ bản chất của học thuyết Mác – Lênin và sự lựa chọn con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Những luận điệu xuyên tạc trên không có cơ sở khoa học và thực tiễn. Cho dù thời đại ngày nay đã có nhiều biến đổi mạnh mẽ, nhanh chóng trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, nhưng sản xuất vật chất vẫn là nền tảng của đời sống xã hội, là cơ sở của

sự tồn tại và phát triển xã hội. Nguồn gốc và động lực phát triển xã hội là nhu cầu và lợi ích của con người, là sự tác động biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội. Nhân tố quyết định lịch sử, suy cho cùng, chính là sản xuất và tái sản xuất ra đời sống xã hội. Lịch sử nhân loại dù phải trải qua sự vận động và phát triển với những khúc quanh co, phức tạp, thậm chí có lúc thụt lùi, nhưng xu hướng chung của nó vẫn cứ diễn ra theo con đường lịch sử - tự nhiên, đó là sự thay thế lẫn nhau của các hình thái kinh tế - xã hội; và, đi lên chủ nghĩa xã hội là phù hợp với quy luật tiến hóa của lịch sử nhân loại. Do đó, học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của C.Mác vẫn luôn chứng tỏ sức sống mãnh liệt của nó, vẫn luôn là công cụ sắc bén nhất giúp con người nhận thức và cải tạo xã hội.

Sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, sự điều chỉnh của chủ nghĩa tư bản hiện đại do ảnh hưởng to lớn của chủ nghĩa xã hội và sự phát triển ý thức dân tộc đã làm cho các quan hệ xã hội, dân tộc ngày nay có những thay đổi sâu sắc so với thời đại Mác sống. Song, thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Do đó, vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp, vấn đề dân tộc,

vấn đề nhà nước và cách mạng xã hội vẫn tồn tại, thậm chí gay gắt và phức tạp hơn ở nhiều khía cạnh. Mặc dù chủ nghĩa tư bản hiện đại đã có nhiều điều chỉnh để thích ứng với thời đại, nhưng bản chất bóc lột giá trị thặng dư để thu được lợi nhuận ngày càng nhiều của chế độ tư bản chủ nghĩa vẫn không hề thay đổi. Chủ nghĩa tư bản vẫn không thể khắc phục được những mâu thuẫn cơ bản vốn có của nó, nhất là mâu thuẫn giữa trình độ xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Ở các nước tư bản phát triển, tình trạng phân hóa giàu nghèo, phân cực xã hội ngày càng gia tăng. Theo báo cáo của Oxfam, từ năm 2020, nhóm 1% những người giàu nhất đang nắm giữ gần 2/3 số tài sản mới của nhân loại, trị giá 42.000 tỷ USD, gần gấp đôi số tài sản của 99% nhóm dân số còn lại (...). Trong đó, số tỷ phú tại Mỹ ngày càng nhiều và giá trị tài sản của họ tăng khoảng 30% kể từ khi bắt đầu xảy ra đại dịch COVID-19 và tăng gần 90% trong thập niên qua. Trong khi đó, khoảng 30% lực lượng lao động Mỹ kiếm được chưa đến 15 USD/giờ” (Trần Hoa Phương 2024). Tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng trầm trọng, mâu thuẫn và xung đột giữa các sắc tộc, tôn giáo, chủ nghĩa cường quyền, bạo lực, chiến tranh, áp bức bất

công trong xã hội,... do chủ nghĩa tư bản gây ra khiến hàng trăm triệu người trên thế giới phải sống trong cảnh chết chóc, đau khổ, thiếu lương thực, môi trường bị ô nhiễm. Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cho rằng, “các phong trào phản kháng xã hội bùng nổ mạnh mẽ tại nhiều nước tư bản phát triển trong thời gian qua càng làm bộc lộ rõ sự thật về bản chất của các thể chế chính trị tư bản chủ nghĩa. Thực tế là các thiết chế dân chủ theo công thức “dân chủ tự do” mà phương Tây ra sức quảng bá, áp đặt lên toàn thế giới không hề bảo đảm để quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân – yếu tố bản chất nhất của dân chủ”; rằng, “tại các nước tư bản phát triển, các cuộc bầu cử được gọi là “tự do”, “dân chủ”, dù có thể thay đổi chính phủ, nhưng không thể thay đổi được các thể lực thống trị; đằng sau hệ thống đa đảng trên thực tế vẫn là sự chuyên chế của các tập đoàn tư bản” (Nguyễn Phú Trọng 2022: 20, 21). Vì vậy, những tư tưởng của Mác về vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp, về dân tộc, về nhà nước và cách mạng xã hội vẫn là cơ sở khoa học để giải quyết đúng đắn những vấn đề cơ bản và cấp bách của xã hội hiện đại. Chế độ tư bản chủ nghĩa vẫn chưa phải là chế độ ưu việt nhất, sớm hay muộn nó sẽ bị thay thế bởi một chế độ xã hội tốt đẹp hơn – chế độ xã hội chủ nghĩa.

Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa theo mô hình Xô viết ở Liên Xô và các nước Đông Âu chỉ là sự sụp đổ của một mô hình chủ nghĩa xã hội vốn tiềm ẩn nhiều khuyết tật, nhưng lại chậm được phát hiện và khắc phục. Thực tế cho thấy, sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu là do nhiều nguyên nhân: có nguyên nhân khách quan và chủ quan, nguyên nhân bên trong và bên ngoài, nguyên nhân sâu xa và trực tiếp. Trong đó, nguyên nhân chủ yếu và trực tiếp là do sự thoái hóa, biến chất, thậm chí phản bội chủ nghĩa Mác – Lênin của một số lãnh đạo chủ chốt trong Đảng Cộng sản ở Liên Xô và các nước Đông Âu. Sự sụp đổ này đã chứng minh rằng, các nước lựa chọn chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội nếu xa rời những tư tưởng khoa học và cách mạng của C.Mác tất yếu sẽ phải trả giá đắt.

Một thực tế sinh động và không thể phủ nhận là, hiện nay một số nước đang kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa, lấy chủ nghĩa Mác – Lênin – trong đó có triết học Mác làm nền tảng tư tưởng đã và đang đạt được những thành tựu to lớn trên tất cả các lĩnh vực và đang từng bước xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Mặc dù còn nhiều khó khăn và thách thức, song sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc, Việt Nam, Cu Ba và Triều Tiên, cũng

như sự phát triển của chủ nghĩa xã hội thế kỷ XXI ở Mỹ Latinh hiện nay là một thực tế không thể bác bỏ. Điều đó đã chứng minh quan niệm duy vật về lịch sử nói chung và lý luận chủ nghĩa xã hội nói riêng của C.Mác là khoa học, cách mạng và có sức sống trường tồn.

4. Kết luận

Chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử là hai phát minh vĩ đại nhất của C.Mác, và cho đến nay chúng vẫn còn nguyên giá trị. Những thành tựu của khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại ngày nay càng làm sáng tỏ bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác. Thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật của triết học Mác đã, đang và sẽ tiếp tục là thế giới quan, phương pháp luận khoa học để con người nhận thức và cải tạo thế giới bằng cách mạng. Trước những thắng lợi to lớn của công cuộc đổi mới đất nước ở Việt Nam, các thế lực thù địch, phản động đã tìm mọi cách xuyên tạc nền tảng tư tưởng của Đảng ta – chủ nghĩa Mác – Lênin, trong đó có triết học Mác, nhằm dấy dư luận, làm cho nhân dân ta mất niềm tin vào Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa; phá hoại những thành quả mà Đảng và nhân dân ta đã cố gắng xây dựng. Do đó, chúng ta, *một mặt*, phải luôn cảnh giác cao độ, giữ vững lập trường chính trị, kiên quyết đấu tranh nhằm phê phán, bác bỏ các quan điểm

sai trái, thù địch; *mặt khác*, cần tiếp tục nghiên cứu, bảo vệ, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin nói chung và triết học Mác nói riêng lên một tầm cao mới, nhận thức đúng những biến đổi của thời đại để kịp thời đưa ra những sách lược phù hợp với yêu cầu của tình hình mới. V.I.Lênin đã căn dặn: “chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống” (V.I.Lênin 2005b: 232).

Tài liệu trích dẫn

1. C.Mác và Ph.Ăngghen. 1995a. *Toàn tập*, tập 1. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.

2. C.Mác và Ph.Ăngghen. 1995b. *Toàn tập*, tập 3. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.

3. C.Mác và Ph.Ăngghen. 1995c. *Toàn tập*, tập 19. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.

4. C.Mác và Ph.Ăngghen. 2000. *Toàn tập*, tập 42. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.

5. C.Mác và Ph.Ăngghen. 2002a. *Toàn tập*, tập 4. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.

6. C.Mác và Ph.Ăngghen. 2002b. *Toàn tập*, tập 20. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.

7. C.Mác và Ph.Ăngghen. 2002c. *Toàn tập*, tập 21. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.

8. C.Mác và Ph.Ăngghen. 2002d. *Toàn tập*, tập 23. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.

9. C.Mác và Ph.Ăngghen. 2002e. *Toàn tập*, tập 37. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.

10. V.I.Lênin. 2005a. *Toàn tập*, tập 1. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

11. V.I.Lênin. 2005b. *Toàn tập*, tập 4. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

12. V.I.Lênin. 2005c. *Toàn tập*, tập 23. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

13. Nguyễn Phú Trọng. 2022. *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.

14. Trần Hoa Phương. 2024. “Một số vấn đề về nhận diện bản chất của chủ nghĩa tư bản trong thời đại mới, góp phần củng cố vững chắc định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay”. Tạp chí Cộng sản điện tử ngày 15/02/2024 (https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/mot-so-van-de-ve-nhan-dien-ban-chat-cua-chu-nghia-tu-ban-trong-thoi-dai-moi-gop-phan-cung-co-vung-chac-dinh-huong-di-len-chu-nghia-xa-hoi-o-viet-nam-h). Truy cập ngày 21/04/2024.